

Số: 94 /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (trước sắp xếp); Báo cáo thẩm tra số 189/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Chủ tịch nước;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi

ĐỀ ÁN

Thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang
*(Kèm theo Nghị quyết số 94/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2025
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

**A. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT, TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC THÀNH LẬP
 QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH TUYÊN QUANG TRÊN CƠ SỞ HỢP NHẤT
 QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH HÀ GIANG VÀ QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN
 TỈNH TUYÊN QUANG (TRƯỚC SẮP XẾP)**

1. Mục tiêu

Đảm bảo cơ sở pháp lý đối với hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang *(sau hợp nhất)*.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực quản lý, điều hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; tạo điều kiện cho nhiều hội viên nông dân được vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tạo nguồn lực, điều kiện nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đoàn kết, tập hợp nông dân, góp phần xây dựng tổ chức Hội Nông dân ngày càng vững mạnh.

2. Sự cần thiết và tính khả thi

Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16 tháng 6 năm 2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định: Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, trụ đỡ của nền kinh tế. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định xây dựng nền nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, thực hiện hiệu quả việc tổ chức sản xuất hàng hoá, gắn với chế biến tiêu thụ nông sản. Nông thôn phát triển toàn diện về kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại. Chương trình hành động số 57-CTr/TU, ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về *đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới* đã định hướng “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn, nhất là lao động trẻ”, “Tăng cường quản lý bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, đồng thời vận động nguồn lực xã hội cho Quỹ Hỗ trợ nông dân để xây dựng các mô hình điểm phát triển nông nghiệp ở nông thôn, gắn với phát huy vai trò chủ thể của người nông dân trong tham gia bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hoá dân tộc qua sản xuất, phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương”.

Với những ưu điểm của Quỹ Hỗ trợ nông dân như: (1) Bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phần lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng; (2) Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức Hội Nông dân các cấp. Chất lượng cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu thấp; (3) Cán bộ, công chức của Hội Nông dân thực hiện công tác của Quỹ Hỗ trợ nông dân nhiệt tình, đã phát huy lợi thế nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, thường xuyên theo dõi các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả. Do đó kể từ ngày thành lập, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang đã hoàn thành tốt mục tiêu đề ra, giúp hàng ngàn lượt hộ nông dân vay vốn phát triển kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất. Hoạt động của Quỹ đã tạo thêm việc làm cho hàng chục ngàn nông dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hợp tác liên kết trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Hiện nay, nhu cầu vay vốn của nông dân, nhất là nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân trong các tổ hợp tác, chi hội, tổ hội nông dân nghề là rất lớn. Các đối tượng này mong muốn có thêm vốn để đầu tư khai thác tiềm năng sẵn có của địa phương, mở rộng quy mô, ứng dụng khoa học kỹ thuật, liên kết hợp tác để phát triển sản xuất nhưng việc tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng ở nhiều nơi còn khó khăn vì nhiều nông dân không đảm bảo các tiêu chí vay theo quy định của các tổ chức tín dụng đó. Quỹ Hỗ trợ nông dân hiện tại chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 2,5% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, quy mô các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh còn nhỏ (*bình quân 40 triệu đồng/hộ*), do đó chưa tạo được nhiều sự liên kết hợp tác giữa các hộ tham gia vay vốn.

Để đảm bảo tính pháp lý, đưa hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân được chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng, chất lượng tín dụng, việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*sau hợp nhất*) trên cơ sở sáp nhập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang là hết sức quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn mới.

3. Tác động của việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*sau hợp nhất*)

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ, giúp nhiều hội viên, nông dân tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phát triển sản xuất, tăng thu nhập, giảm nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển. Phát huy phẩm chất tốt đẹp, đức tính cần cù, sáng tạo, tinh thần vượt khó vươn lên của người nông dân để mở rộng quy mô sản xuất, phát triển các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Tăng cường đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo việc làm, ổn định xã hội ở nông thôn; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức hội nông dân, góp phần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, thu hút, tập hợp nông dân tham gia tổ chức Hội; khẳng định vai trò Hội nông dân trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

B. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở chính trị và căn cứ pháp lý

1. Cơ sở chính trị

Kết luận số 61-KL/TW, ngày 03 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “*Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020*”;

Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII;

Nghị quyết số 74/NQ-CP, ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12 tháng 6 năm 2025 kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Kết luận số 138-KL/TW, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (*cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã*);

Kết luận số 130-KL/TW, ngày 14 tháng 3 năm 2025 về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Kết luận số 137- KL/TW, ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

2. Cơ sở pháp lý

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Luật Đầu tư công 58/2024/QH15;

Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Thông tư số 92/2024/TT-BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

Quyết định số 759/QĐ-TTg, ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Nghị quyết số 125/NQ-CP, ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về hồ sơ Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025;

Văn bản số 1316-CV/HNDTW, ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025;

Đề án số 09-ĐA/TU ngày, 25 tháng 6 năm 2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang, Hà Giang về Hợp nhất cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

Quyết định số 551/QĐ-MTTW-BTT, ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định chức năng, nhiệm vụ của Ban công tác nông dân.

Văn bản số 7158/BTC-ĐCTC, ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính đã hướng dẫn về việc sắp xếp lại các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có tính chất tín dụng tại địa phương: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Đề án tổ chức, sắp xếp lại các Quỹ TCNN tại địa phương của 04 mô hình Quỹ nêu trên, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau sắp xếp xem xét, quyết định đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước”*. Trong đó, đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân: *“Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân ... để xem xét, quyết định việc sắp xếp Quỹ đảm bảo tập trung một đầu mối hoạt động trên địa bàn tỉnh, phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước”*.

II. Cơ sở thực tiễn

1. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án *"Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020"* và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 1651/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12 năm 2013 về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*trước hợp nhất*), Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1852/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 9 năm 2012 về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*trước hợp nhất*).

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang (*trước hợp nhất*) hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng. Hoạt động nghiệp vụ Quỹ Hỗ trợ nông dân thực hiện theo Thông tư số 69/2013/TT-BTC, ngày 21 tháng 5 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Tuyên Quang mới được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Theo đó, các đơn vị trực thuộc của tỉnh mới cần được thành lập mới, trên cơ sở sáp nhập các đơn vị trước hợp nhất để đảm bảo thống nhất, đồng bộ. Do đó, hợp nhất Quỹ Hỗ trợ nông dân thành một đầu mối thống nhất là yêu cầu cấp thiết, góp phần tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và khắc phục sự chồng chéo trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành.

2. Kết quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân

2.1. Cơ cấu tổ chức

Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh (*Ban Công tác Nông dân*). Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Tổ chức bộ máy Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm: Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, hoạt động hiện tại theo chế độ kiêm nhiệm theo bộ máy cũ, cụ thể:

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh: Chỉ đạo chủ trương, định hướng hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân (*hoạt động như vai trò Hội đồng quản lý Quỹ*).

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ thực hiện quản lý, điều hành hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trong hệ thống Hội Nông dân của tỉnh theo các quy định hiện hành, đồng thời trực tiếp quản lý, điều hành nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 07 thành viên (*gồm 06 cán bộ, chuyên viên Hội Nông dân tỉnh và 01 hợp đồng lao động*) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Là cơ quan giúp việc cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhằm bảo đảm hoạt động Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và quy định của pháp luật; Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm có 03 thành viên (*là cán bộ Hội Nông dân tỉnh*) hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2.2. Hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (trước hợp nhất)

Quỹ Hỗ trợ nông dân 02 tỉnh có quy mô vốn 76.185.954.088 đồng (*Trong đó vốn điều lệ hiện có là 42.820.266.000 đồng*) để hỗ trợ hội viên nông dân vay vốn xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân. Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức Hội, góp phần xây dựng Hội và phong trào nông dân.

a) Nguồn vốn: Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được hình thành từ 03 nguồn chính: Nguồn ngân sách tỉnh cấp; nguồn bổ sung hàng năm từ hoạt động của Quỹ; nguồn ủy thác cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương.

Tính đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*trước hợp nhất*) và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*trước hợp nhất*) đạt: **76.185.954.088 đồng** (Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*cũ*): **39.443.752.709 đồng**, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*cũ*): **36.742.201.379 đồng**).
Trong đó:

*** Phân theo cấp quản lý:**

- Nguồn vốn Trung ương Hội ủy thác cho vay: 22.460.000.000 đồng.
- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh: 29.609.583.446 đồng.
- Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện, thành phố (*cũ*) chuyển về Quỹ hỗ trợ cấp tỉnh: 24.116.370.642 đồng.

*** Phân theo nguồn hình thành:**

- Nguồn vốn Trung ương Hội ủy thác cho vay: 22.460.000.000 đồng.
- Nguồn ngân sách địa phương cấp: 42.820.266.000 đồng.
- Vận động ủng hộ từ tổ chức, cá nhân cán bộ công chức, viên chức, hội viên nông dân: 8.535.041.987 đồng.
- Nguồn bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ: 2.370.646.101 đồng.

b) Hoạt động cho vay

Việc cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả, có kỳ hạn và có hạn mức, không thu lãi nhưng có thu phí. Đối tượng vay vốn là hội viên Hội Nông dân tự nguyện tham gia dự án nhóm hộ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Hội Nông dân các cấp. Hội viên nông dân vay Quỹ Hỗ trợ nông dân không phải thế chấp tài sản mà được Hội Nông dân cấp xã bảo lãnh tín chấp có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân được Ủy ban nhân dân cấp xã xác định phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của xã.

Quy trình cho vay được thực hiện nghiêm túc theo quy định từ việc bình xét lựa chọn hộ vay vốn, lập hồ sơ, xây dựng dự án trình UBND cấp xã xác nhận và được cán bộ Hội Nông dân cấp huyện, cấp tỉnh trực tiếp thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giải ngân theo quy định. Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/hộ; một dự án cho vay tối thiểu 10 hộ hội viên nông dân; thời gian vay tối đa là 36 tháng.

Từ năm 2011 đến nay, nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*trước hợp nhất*) và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*trước hợp nhất*) đã giải ngân cho vay gần 1.000 lượt dự án cho trên 7.200 lượt hộ hội viên nông dân vay vốn. Trong đó, cho vay chăn nuôi chiếm 62,11%; trồng trọt chiếm 26,32%; sản xuất chế biến chiếm 10,53%. Đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân chưa có nợ xấu, nợ quá hạn; vốn của Quỹ được bảo toàn và tăng trưởng tốt.

2.3. Hiệu quả từ hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân

- Hiệu quả kinh tế

Tính đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 tổng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*trước hợp nhất*) và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*trước hợp nhất*) đạt 76.185,95 triệu đồng. Với nguồn vốn này, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã trực tiếp cho 237 dự án với 1.496 hộ nông dân vay vốn sản xuất, dịch vụ, phát triển ngành nghề, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm nông sản đạt chất lượng, hiệu quả cao, tạo thêm việc làm, nâng cao đời sống của nông dân. Có sự hỗ trợ vốn của Quỹ, các hộ hội viên nông dân đã mạnh dạn khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, đưa các giống cây trồng, vật nuôi hiệu quả cao vào sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tại địa phương. Thu nhập bình quân của mỗi lao động vay vốn Quỹ tăng thêm từ 20% đến 30% so với trước khi chưa vay vốn. Qua hình thức vay vốn theo nhóm hộ đã góp phần hình thành các mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã.

- Hiệu quả xã hội

Từ năm 2011 đến nay, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang (*trước hợp nhất*) và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang (*trước hợp nhất*) đã tạo thêm việc làm cho trên 7.200 lao động, góp phần giảm áp lực di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị. Từ việc cho vay vốn, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã góp phần nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể, hạn chế tình trạng “tín dụng đen”, giảm tệ nạn xã hội, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội ở nông thôn.

- Hiệu quả chính trị

Quỹ Hỗ trợ nông dân là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng. Thông qua hoạt động cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân, các cấp hội nông dân có thêm điều kiện để tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; nắm bắt kịp thời phản ánh, kiến nghị của nông dân; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội, gắn hoạt động của tổ chức hội nông dân với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để hội nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng phong trào nông dân, nhất là phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững.

Phần thứ hai NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. TÊN GỌI VÀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN

1. Tên gọi và địa điểm trụ sở chính

Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang

Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Tuyên Quang.

Tên giao dịch quốc tế: Tuyen Quang Supporting Fund for Farmers (Viết tắt là TUYENQUANGSFF).

Địa chỉ trụ sở: Tại Ban Công tác Nông dân (Địa chỉ: Tổ 16, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang).

2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân là Giám đốc Quỹ.

II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

1. Nguyên tắc hoạt động

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- c) Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động

- a) Hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.
- b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

3. Phạm vi hoạt động

Trên phạm vi các xã, phường thuộc tỉnh Tuyên Quang có tổ chức Hội Nông dân.

III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN

1. Chức năng, nhiệm vụ

- a) Tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về phương hướng hoạt động, công tác xây dựng và quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân toàn tỉnh.
- b) Tham mưu kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo xây dựng và quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.
- c) Tham mưu cơ chế, chính sách, chương trình phối hợp với các tổ chức tín dụng, tài chính hỗ trợ vốn giúp hội viên, nông dân xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, kinh doanh.
- d) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.
- đ) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e) Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.

f) Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

g) Ủy thác cho Hội Nông dân cơ sở (*nơi có dự án*) thực hiện nhiệm vụ cho vay theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn

2.1. Trách nhiệm

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

d) Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

2.2. Quyền hạn

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

b) Hướng dẫn hoạt động cho vay, quản lý nợ, xử lý rủi ro; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân trong toàn hệ thống;

c) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

d) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ Quỹ;

e) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh;

g) Nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm về mô hình tổ chức, hoạt động với các tổ chức trong và ngoài nước;

h) Phối hợp với các đơn vị và cá nhân tổ chức các hoạt động tập huấn kỹ thuật sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng quản lý tài chính, học tập trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước cho khách hàng vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, đạt hiệu quả cao;

i) Quản lý, theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất Quỹ Hỗ trợ nông dân nhận ủy thác và khách hàng vay vốn;

k) Theo dõi, giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất Hội Nông dân cấp xã về việc chấp hành quy định của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, quy định Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và hướng dẫn của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương về hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm có:

a) Hội đồng quản lý

b) Ban Kiểm soát.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

1. Hội đồng quản lý

1.1. Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh có tối đa 05 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh, Sở Tài chính, hoạt động kiêm nhiệm, gồm Chủ tịch và các thành viên.

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang.

- 04 thành viên Hội đồng gồm: Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ; Trưởng Ban công tác Nông dân; đại diện Sở Tài chính.

- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân cùng cấp là cán bộ của Hội Nông dân. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân là đại diện lãnh đạo Sở Tài chính.

1.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang.

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.3. Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.4. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được sử dụng con dấu của Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang .

1.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân, trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

c) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Giám sát, kiểm tra Ban Điều hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân.

đ) Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ.

e) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt.

h) Trình Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

i) Trình Ban thường vụ Hội Nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

1.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội đồng dân cùng cấp, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

d) Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

đ) Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh có tối đa 03 thành viên, gồm Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý, điều hành Quỹ.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang.

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh Tuyên Quang và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

2.3. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ hỗ trợ nông dân với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội Nông dân Trung ương ban hành.

2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân.

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức, hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Trung ương Hội giao.

3. Ban Điều hành

Căn cứ quy mô nguồn vốn hoạt động của Quỹ giai đoạn 2026-2030, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động Quỹ an toàn, hiệu quả. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm:

- Giám đốc;
- Các phó giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Bộ máy giúp việc.

3.1. Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang.

3.1.1. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: Kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

c) Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ hỗ trợ nông dân ít nhất 05 năm.

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội nông dân tỉnh Tuyên Quang quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân và các quyết định của Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh theo thẩm quyền.

c) Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

d) Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

đ) Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh.

e) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.2. Phó Giám đốc

Giúp giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

a) Phó Giám đốc là: Ủy viên Ban Thường vụ hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh (*thuộc cán bộ Ban Công tác Nông dân*); Có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

b) Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ và số lượng của Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.3. Kế toán trưởng

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

a) Kế toán trưởng là: Là cán bộ Ban Công tác Nông dân hoặc thuê kế toán theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ hỗ trợ nông dân, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

b) Kế toán trưởng Quỹ hỗ trợ nông dân phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (*nếu có*). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân.

3.4. Bộ máy giúp việc

Là cán bộ của cơ quan Hội Nông dân tỉnh (*Ban Công tác Nông dân*) được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

Người lao động được Quỹ tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu giúp cho Ban Điều hành Quỹ.

Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang quyết định tuyển dụng nhân sự lao động, chi trả lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động; được đánh giá xếp loại và khen thưởng theo Quy chế lao động, được hưởng những phúc lợi của người lao động theo đúng quy định.

Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với bộ máy giúp việc Quỹ Hỗ trợ nông dân sau khi có sự chấp thuận của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

V. HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN SAU KHI SÁT NHẬP

1. Vốn chủ sở hữu

Tổng số vốn chủ sở hữu hiện có đang hoạt động 53.909.062.897 đồng (*Năm mươi ba tỷ, chín trăm linh chín triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó:

- Nguồn vốn Điều lệ do Ngân sách địa phương cấp: 42.820.266.000 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 183.108.809 đồng.
- Nguồn vốn bổ sung từ kết quả hoạt động: 2.370.646.101 đồng.
- Nguồn vốn vận động ủng hộ: 8.535.041.987 đồng.

2. Dự kiến vốn điều lệ của Quỹ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030

2.1. Nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang quản lý và cho vay là **42.820.266.000 đồng** (*trên cơ sở nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang và Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Giang trước hợp nhất*). Vốn điều lệ đề nghị phê duyệt sau thành lập là **42.055.266.000 đồng** (*trừ số thu theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước tại Văn bản số 278/KTNN-TH ngày 22 tháng 12 năm 2023*): 765.000.000 đồng. Vốn điều lệ quỹ (*từ nguồn ngân sách địa phương cấp*) đề nghị khi phê duyệt Đề án là 42.055.266.000 đồng.

2.2. Dự kiến vốn điều lệ giai đoạn 2026 - 2030:

Căn cứ nhu cầu hoạt động và khả năng cân đối từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh, Hội nông dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong từng thời kỳ, sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính (*theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ*).

*Bảng 01. Dự kiến tăng trưởng nguồn vốn Quỹ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030;**ĐVT: triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Giai đoạn năm 2026 - 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
I	Tổng nguồn vốn	42.085	45.195	48.315	51.475	54.655	57.855
1	Vốn đầu năm	42.055	42.085	45.195	48.315	51.475	54.655
2	Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động trong năm và các nguồn hợp pháp khác	30	3.110	3.120	3.160	3.180	3.200
3	Tỷ lệ % tăng trưởng trong năm (<i>tăng trong năm / tổng nguồn vốn đầu kỳ</i>)	0,07	0,24	0,25	0,31	0,33	0,35

3. Phương án quản lý tài chính giai đoạn 2026 - 2030

Biểu 02: Phương án quản lý tài chính giai đoạn 2026 - 2030

Số TT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH				
		2026	2027	2028	2029	2030
A	Thu nhập	3.164	3.382	3.603	3.826	4.050
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn	3.164	3.382	3.603	3.826	4.050
B	Chi phí	2.775	2.971	3.288	3.467	3.625
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ: chi phí lãi và các phí tương tự - trích lập quỹ DPRR	1.808	1.933	2.059	2.186	2.314
2	Chi lương, BHXH, BHYT và các khoản nộp theo lương; chi PC cho CB trực tiếp quản lý, điều hành, chỉ đạo	347	347	480	480	480
3	Chi hoạt động quản lý và công vụ (<i>công tác phí; điện nước, mua sắm vật tư thiết bị, VPP; công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán, bổ sung nguồn vốn,...</i>)	620	692	749	801	831
C	Chênh lệch thu, chi	389	411	315	359	425
1	Bổ sung nguồn vốn	110	120	160	180	200
2	Trích lập các quỹ	279	291	155	179	225

4. Khả năng vận động vốn ngoài ngân sách

Quỹ Hỗ trợ nông dân sẽ tăng cường các hoạt động kêu gọi viện trợ, ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính hiệu quả để bổ sung nguồn vốn hoạt động, chủ yếu sẽ vận động xây dựng quỹ từ các tổ chức doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ...

5. Lập kế hoạch tài chính hàng năm

a) Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh thực hiện xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch thu nhập, kế hoạch mua sắm tài sản cố định (nếu có) để trình Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến phê duyệt của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

b) Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch tài chính năm:

- Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, phê duyệt kế hoạch tài chính năm kế hoạch để báo cáo Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

- Trước ngày 30 tháng 3 năm kế hoạch, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh xem xét phê duyệt kế hoạch tài chính năm làm căn cứ để Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh triển khai thực hiện.

6. Hoạt động của Quỹ

6.1. Đối tượng và điều kiện cho vay

a) Đối tượng vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân là hội viên Hội Nông dân Việt Nam có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân:

- Khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại điểm a, mục 6.1 này, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Khách hàng vay vốn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn tại thời điểm đề xuất vay vốn từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp;

- Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân được Quỹ Hỗ trợ nông dân đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay;

- Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01 (một) phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân từ Quỹ Hỗ trợ nông dân;

- Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.

- Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân do Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành theo quy định.

6.2. Thời hạn cho vay

a) Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội Nông dân Việt Nam tại Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (*không bao gồm thời gian gia hạn nợ*).

b) Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên nông dân do Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, quyết định.

c) Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

6.3. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay

a) Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay.

- Căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay, Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ.

b) Đồng tiền cho vay và thu nợ là Đồng Việt Nam (VNĐ).

6.4. Bảo đảm tiền vay

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan.

b) Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay và thẩm quyền quyết định bảo đảm tiền vay tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ hỗ trợ nông dân.

6.5. Thẩm quyền quyết định cho vay

- Giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên nông dân có mức vốn vay tối đa 500 triệu đồng.

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc theo quy định, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay theo quy định nhưng tối đa 01 tỷ đồng.

6.6. Giới hạn cho vay

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng (*hộ hội viên nông dân*) tối đa 100 triệu đồng.

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên nông dân tối đa 01 (một) tỷ đồng.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trình Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên nông dân vượt giới hạn cho vay quy định nêu trên.

6.7. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6.8. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô, phù hợp với đặc thù hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với những khoản nhận ủy thác cho vay mà Quỹ Hỗ trợ nông dân không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

c) Tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh sau khi báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến chỉ đạo.

6.9. Hội đồng xử lý rủi ro

a) Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro.

- Các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro

- Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh báo cáo;

- Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

- Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ thời gian, biện pháp để thu hồi nợ;

- Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ để xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 3. Điều 21. Nghị định 37;

- Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh ký ban hành.

7. Hoạt động nhận ủy thác

a) Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ hỗ trợ nông dân Trung ương và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là Đồng Việt Nam (VNĐ).

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác.

d) Quỹ Hỗ trợ nông dân có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ hỗ trợ nông dân. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ hỗ trợ nông dân phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ hỗ trợ nông dân.

đ) Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật liên quan.

8. Hoạt động ủy thác

a) Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh được ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

b) Quỹ hỗ trợ nông dân cấp xã nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký giữa các bên.

c) Ban Điều hành Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành quy chế ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật liên quan.

9. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động Quỹ

Quỹ bố trí nguồn vốn đầu tư bảo đảm phục vụ quản lý hoạt động của Quỹ theo khả năng thực tế, có khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Hội Nông dân tỉnh, Quỹ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam để quản trị hoạt động, cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ: ngay sau khi Quỹ Trung ương vận hành hệ thống quản lý Quỹ trong toàn hệ thống. Loại hình công nghệ dự kiến áp dụng: xây dựng hạ tầng công nghệ (*thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh mạng...*) hệ thống internet cho hoạt động của Quỹ, hệ thống internet Wifi phục vụ truy cập của người dùng cá nhân và thiết kế độc lập với hệ thống mạng của Quỹ để bảo đảm an ninh, an toàn trong quản lý, sử dụng.

10. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày ngày 31 tháng 12 hằng năm.

11. Về bảo toàn nguồn vốn

Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành, nhằm đảm bảo việc bảo toàn nguồn theo định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

12. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi Hội Nông dân tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương, chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện tại Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày của Chính phủ.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định, đảm bảo hiệu quả;

b) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo đúng quy định;

c) Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn, dài hạn của Quỹ HTND tỉnh; phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ HTND tỉnh theo quy định;

d) Báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí ngân sách nhà nước để cấp vốn điều lệ cho Quỹ HTND tỉnh;

đ) Bố trí nhân sự thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

e) Chỉ đạo quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ HTND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ HTND tỉnh;

g) Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá toàn diện hoạt động của Quỹ HTND tỉnh;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của Hội Nông dân tỉnh, thống nhất cân đối, bố trí dự toán chi đầu tư công từ ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cấp bổ sung vốn điều lệ trong từng thời kỳ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

b) Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn Ngân sách địa phương cấp cho Quỹ theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định liên quan.

c) Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi quỹ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cùng với báo cáo dự toán và quyết toán ngân sách địa phương và giải trình với Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

3. Sở Nội vụ

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về quy trình cử đại diện lãnh đạo sở ngành chuyên môn tham gia thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân, phù hợp với tính chất, mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực IV

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn hoàn thiện quy định, khuôn khổ pháp lý, mức lãi suất cho vay trong tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Tuyên Quang.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, chỉ đạo, lựa chọn các mô hình, dự án cho vay vốn phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động ở nông thôn. Đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn.

6. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
